

Số: 19 /2021/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 15 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 114/TTr-SNN ngày 20 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn và phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trụ sở làm việc của Sở: Số 01, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

3. Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về nông nghiệp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y):

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi sau khi được phê duyệt và biện pháp chống thoái hóa đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện công tác giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng;

d) Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh động vật, thực vật đối với sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các vật tư hàng hoá thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

e) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về giết mổ động vật theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp.

5. Về lâm nghiệp:

a) Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác lâm nghiệp và kiểm lâm; hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực: kinh doanh, chế biến, vận chuyển lâm sản; quản lý các cơ sở gây nuôi, trồng cây các loài động vật, thực vật hoang dã; cấp phép vận chuyển theo quy định của pháp luật và chỉ đạo công tác trồng cây nhân dân trên địa bàn tỉnh.

6. Về thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về nuôi trồng, khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản; hành lang cho các loài thủy sản di chuyển khi áp dụng các hình thức khai thác thủy sản; công bố bổ sung những nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục các loài thủy sản bị cấm khai thác và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ cấm sử dụng hoặc hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác; mùa vụ khai thác; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản của tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về khu bảo tồn vùng nước nội địa của địa phương; quy chế quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa do địa phương quản lý và quy chế vùng khai thác thủy sản ở sông, hồ, đầm và các vùng nước tự nhiên khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức đánh giá nguồn lợi thủy sản; tổ chức kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định;

đ) Quản lý thức ăn, chế phẩm sinh học, hóa chất để xử lý, cải tạo môi trường dùng trong thủy sản theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản. Chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản của cấp huyện và tổ chức thực hiện việc quản lý vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

g) Tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc giao, cho thuê, thu hồi mặt nước thuộc địa phương quản lý để nuôi trồng thủy sản theo quy định;

h) Tổ chức kiểm tra chất lượng và kiểm dịch giống thủy sản ở các cơ sở sản xuất giống thủy sản; tổ chức thực hiện phòng trừ và khắc phục hậu quả dịch bệnh thủy sản trên địa bàn theo quy định;

i) Phối hợp với lực lượng Kiểm ngư của Trung ương tổ chức kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật.

7. Về thủy lợi:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình thủy lợi thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt;

b) Thực hiện các quy định về quản lý sông, khai thác sử dụng và phát triển các dòng sông trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ đê điều, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất thủy lợi, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; công trình đê điều theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn theo quy định.

8. Về phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn cấp xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện

sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện theo quy định; định canh, di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

đ) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Về chế biến và thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông, lâm, thủy sản; lĩnh vực cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Thực hiện công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản.

10. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông, lâm, thủy sản;

c) Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định;

d) Xử lý thực phẩm mất an toàn theo hướng dẫn của Cục quản lý chuyên ngành và quy định của pháp luật;

đ) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông theo quy định của pháp luật.

12. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định của pháp luật.

13. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

14. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản và hoạt động thống kê phục vụ yêu cầu quản lý theo quy định.

15. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

16. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định của pháp luật.

17. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

18. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

20. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

21. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

22. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, phòng, chống thiên tai, chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

23. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; xây dựng nông thôn mới; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; quản lý buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp quý hiếm; phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

24. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

25. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của phòng chuyên môn nghiệp vụ của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

26. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

27. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật, theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

28. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

29. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, biên chế công chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Sở:

a) Lãnh đạo Sở có Giám đốc và không quá 03 (ba) Phó Giám đốc;

b) Giám đốc sở là Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, là người đứng đầu Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và thực hiện

nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra (bao gồm cả công tác pháp chế);
- c) Phòng Kế hoạch - Tài chính - Thông tin nông nghiệp;
- d) Phòng Trồng trọt;
- đ) Phòng Chăn nuôi;
- e) Phòng Thủy sản;
- g) Phòng Quản lý chất lượng xây dựng công trình.

Các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở bố trí tối thiểu 05 biên chế công chức (Thanh tra Sở bố trí tối thiểu 03 biên chế công chức), gồm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ. Số lượng Phó Trưởng phòng thuộc Sở thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, cách chức, điều động, luân chuyển, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở do cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Các chi cục trực thuộc Sở:

- a) Chi cục Phát triển nông thôn;
- b) Chi cục Thú y;
- c) Chi cục Bảo vệ thực vật;
- d) Chi cục Thủy lợi;
- đ) Chi cục Kiểm lâm;

- e) Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản;
- g) Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

- a) Trung tâm Khuyến nông;
- b) Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn;
- c) Trung tâm Tư vấn kỹ thuật đê điều, thủy lợi;
- d) Trung tâm Giống nông nghiệp;
- đ) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

5. Biên chế công chức, số lượng người làm việc:

a) Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xây dựng Đề án điều chỉnh vị trí việc làm (nếu có) và kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Sở theo quy định của pháp luật, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, điều động, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở phải căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Đối với những người đã được bổ nhiệm chức vụ trưởng, phó các phòng, chi cục, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sau khi sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so

với phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang được hưởng thì được hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ đã được bổ nhiệm trước sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn bổ nhiệm còn dưới 06 tháng thì được hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ đang hưởng đủ 06 tháng, kể từ ngày thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 140/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng Đề án thành lập, sáp nhập, giải thể, tổ chức lại các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định của pháp luật, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện việc bố trí, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự của Sở; đề xuất, tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm công chức quản lý các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở theo quy định;

c) Xây dựng và chỉ đạo việc xây dựng Đề án điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt;

d) Xây dựng và ban hành quy chế làm việc của cơ quan Sở; chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt quy chế làm việc của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở; quy định chế độ thông tin, báo cáo, mối quan hệ công tác, lề lối làm việc của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, ban hành mới các quy chế và quy định nội bộ khác của Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (phòng Kinh tế) thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

2. Quyết định số 1159/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ah*

Nơi nhận: *h*

- Như Điều 7;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- CV: KT2^{Tuần};
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Văn